

TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 20 tháng 6 năm 2022

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 05 (Bảo Lâm)

Môn: Phần C.II - nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam

Ngày thi: 24/5/222

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Bàn Thị Vân Anh	7.50	Bảy phẩy năm	41	Dương Văn Lợi	7.25	Bảy phẩy hai năm
2	Hoàng Ngọc Anh	7.50	Bảy phẩy năm	42	Lương Hà Lý	7.50	Bảy phẩy năm
3	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	7.50	Bảy phẩy năm	43	Nguyễn Ngọc Mẫn	7.75	Bảy phẩy bảy năm
4	Nông Văn Cường	7.00	Bảy	44	Mạc Văn Minh	6.25	Sáu phẩy hai năm
5	Hoàng Cao Cường	7.50	Bảy phẩy năm	45	Nông Văn Minh	6.00	Sáu
6	Nguyễn Đức Chinh	7.50	Bảy phẩy năm	46	Nông Văn Mộc	6.25	Sáu phẩy hai năm
7	Nông Văn Dũng	6.75	Sáu phẩy bảy năm	47	Lâu Thị My	6.50	Sáu phẩy năm
8	Quan Thị Dung	6.00	Sáu	48	Hoa Thị Nga	8.00	Tám
9	Phương Đình Duy	7.25	Bảy phẩy hai năm	49	Hoàng Thị Ngân	7.00	Bảy
10	Lý Văn Đình	6.00	Sáu	50	Nguyễn Hoàng Ngoan	8.00	Tám
11	Hà Thị Duyên	8.00	Tám	51	Liên Thị Nguyên	6.00	Sáu
12	Hoàng Thị Duyên	7.50	Bảy phẩy năm	52	Mã Văn Nhâm	5.75	Năm phẩy bảy năm
13	Lãnh Thị Duyên	8.25	Tám phẩy hai năm	53	Bé Thị Nhung	5.75	Năm phẩy bảy năm
14	Lục Văn Đức	7.00	Bảy	54	Sầm Thị Phiên	6.25	Sáu phẩy hai năm
15	Mông Thị Diệp	7.00	Bảy	55	Hà Văn Phong	7.00	Bảy
16	Dương Thị Diệp	7.50	Bảy phẩy năm	56	Đặng Văn Quân	8.00	Tám
17	Dương Văn Định	7.00	Bảy	57	Trần Hùng Quang	7.75	Bảy phẩy bảy năm
18	Nguyễn Thị Thu Hà	8.00	Tám	58	Âu Hoàng Quốc	5.50	Năm phẩy năm
19	Phan Thị Hạnh	7.00	Bảy	59	Nông Thị Sấn	7.25	Bảy phẩy hai năm
20	Trịnh Thị Hạnh	7.75	Bảy phẩy bảy năm	60	Vương Văn Sinh	7.25	Bảy phẩy hai năm
21	Lã Xuân Hải	8.00	Tám	61	Vi Văn Sơn	6.75	Sáu phẩy bảy năm
22	Nông Thị Hậu	8.00	Tám	62	Phùng Văn Tập	5.75	Năm phẩy bảy năm
23	Ma Xuân Hòa	6.50	Sáu phẩy năm	63	Anh Thị Thanh	7.25	Bảy phẩy hai năm
24	Tô Thị Thu Hoài	7.00	Bảy	64	Mạc Văn Thánh	5.50	Năm phẩy năm
25	Ma Thị Hoàn	7.75	Bảy phẩy bảy năm	65	Hoàng Văn Thành	5.75	Năm phẩy bảy năm

ĐLT

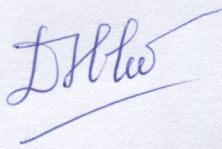
STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
26	Hà Thị Bích Hồng	8.25	Tám phẩy hai năm	66	Nguyễn Thị Phương Thảo	6.25	Sáu phẩy hai năm
27	Mạc Văn Huấn	6.50	Sáu phẩy năm	67	Nông Thị Thảo	7.50	Bảy phẩy năm
28	Nông Thị Huế	7.25	Bảy phẩy hai năm	68	Hoàng Thị Thời	8.00	Tám
29	Mã Thị Huệ	7.50	Bảy phẩy năm	69	Lữ Thị Thu	6.50	Sáu phẩy năm
30	Nguyễn Như Hùng	7.50	Bảy phẩy năm	70	Mạc Thị Thu	7.50	Bảy phẩy năm
31	Hoa Mạnh Hưng	8.00	Tám	71	Lữ Thu Thủy	6.00	Sáu
32	Nông Thị Hương	6.00	Sáu	72	Hoàng Lệ Thủy	8.00	Tám
33	Chu Thị Thanh Huyền	7.25	Bảy phẩy hai năm	73	Lãnh Thị Phương Trang	7.00	Bảy
34	Ngô Văn Khánh	7.75	Bảy phẩy bảy năm	74	Triệu Thị Trang	7.25	Bảy phẩy hai năm
35	Phạm Thị Khuyên	8.00	Tám	75	Lãnh Thị Trọng	6.50	Sáu phẩy năm
36	Nông Ngọc Kiên	7.00	Bảy	76	Mã Thị Tú	7.75	Bảy phẩy bảy năm
37	Lương Thị Ngọc Lan	7.00	Bảy	77	Hoàng Huy Tuyên	5.75	Năm phẩy bảy năm
38	Hà Thị Lan	8.00	Tám	78	Nông Văn Tuyên	5.75	Năm phẩy bảy năm
39	Nông Thị Lành	7.50	Bảy phẩy năm	79	Phương Ánh Tuyết	5.75	Năm phẩy bảy năm
40	Triệu Thị Liên	7.75	Bảy phẩy bảy năm	80	Mạc Thị Vẻ	7.50	Bảy phẩy năm

Điểm 5.50: 02 điểm; Điểm 5.75: 07 điểm; Điểm 6.00: 06 điểm; Điểm 6.25: 04 điểm; Điểm 6.50: 05 điểm; Điểm 6.75: 02 điểm; Điểm 7.00: 11 điểm; Điểm 7.25: 08 điểm; Điểm 7.50: 14 điểm; Điểm 7.75: 07 điểm; Điểm 8.00: 12 điểm; Điểm 8.25: 02 điểm./.

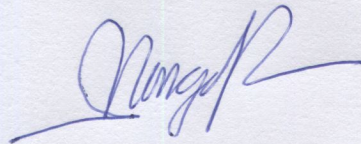
GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
K/T TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

**K/T HIỆU TƯƠNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đoàn Thị Kim Liên



Nông Văn Dũng



Hoàng Việt Hưng